



Chương 3:

**KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN
TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**



Mục tiêu chương 3:

- + Thế nào là tiền và các khoản tương đương tiền?
- + Nguyên tắc và phương pháp hạch toán tiền và các khoản tương đương tiền.



3.1. TỔNG QUAN VỀ TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

3.1.1. Các khái niệm

-Tiền.

-Các khoản tương đương tiền.

3.1.2. Nhiệm vụ kế toán

- Phản ánh kịp thời các nghiệp vụ liên quan đến tiền và các khoản tương đương tiền.
- Tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán.
- Kiểm soát và phát hiện kịp thời các sai sót.

3.1.3. Các nguyên tắc hạch toán về tiền và các khoản tương đương tiền:

(1) Kế toán tiền sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là VNĐ.

(2) DN sử dụng ngoại tệ phải:

+Quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.

+Hạch toán chi tiết ngoại tệ trên TK 007.



❖ **Các nguyên tắc hạch toán ngoại tệ:**

– **Nguyên tắc 1: Ghi sổ theo TGTG lúc phát sinh nghiệp vụ đối với:**

+TK thuộc vật tư, hàng hóa, TSCĐ.

+Doanh thu, chi phí.

+Bên nợ các TK vốn bằng tiền.

+Bên có các TK phải trả.

+Các khoản thuế phải nộp.

–Nguyên tắc 2:

+ Bên Có các TK vốn bằng tiền thì phải ghi sổ theo TGTG lúc xuất ngoại tệ.

+ TGTG xuất ngoại tệ có thể sử dụng 1 trong 4 phương pháp:

- Bình quân gia quyền;**
- FIFO;**
- LIFO;**
- Thực tế đích danh.**

– Nguyên tắc 3: Ghi sổ theo TGTG lúc ghi sổ đối với:

- + Bên có TK phải thu;
- + Bên nợ các TK phải trả.

(3) Vàng, bạc, đá quý phản ánh ở TK vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các DN không có chức năng kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

Khi tính giá xuất cũng áp dụng 4 phương pháp:

- + LIFO;
- + FIFO;
- + Bình quân gia quyền;
- + Thực tế đích danh.

3.2. KẾ TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ:

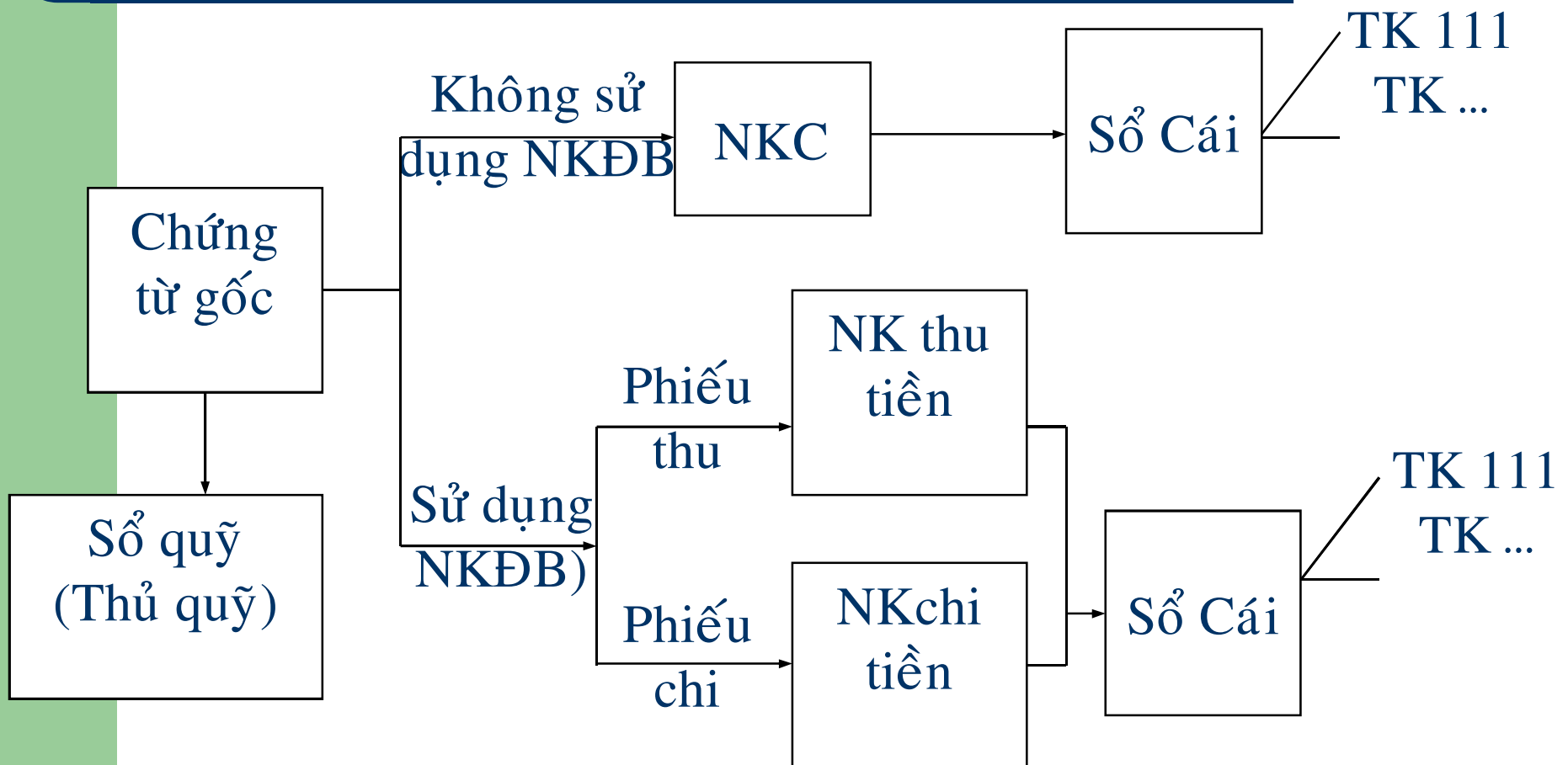
3.2.1. Chứng từ kế toán

Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt:

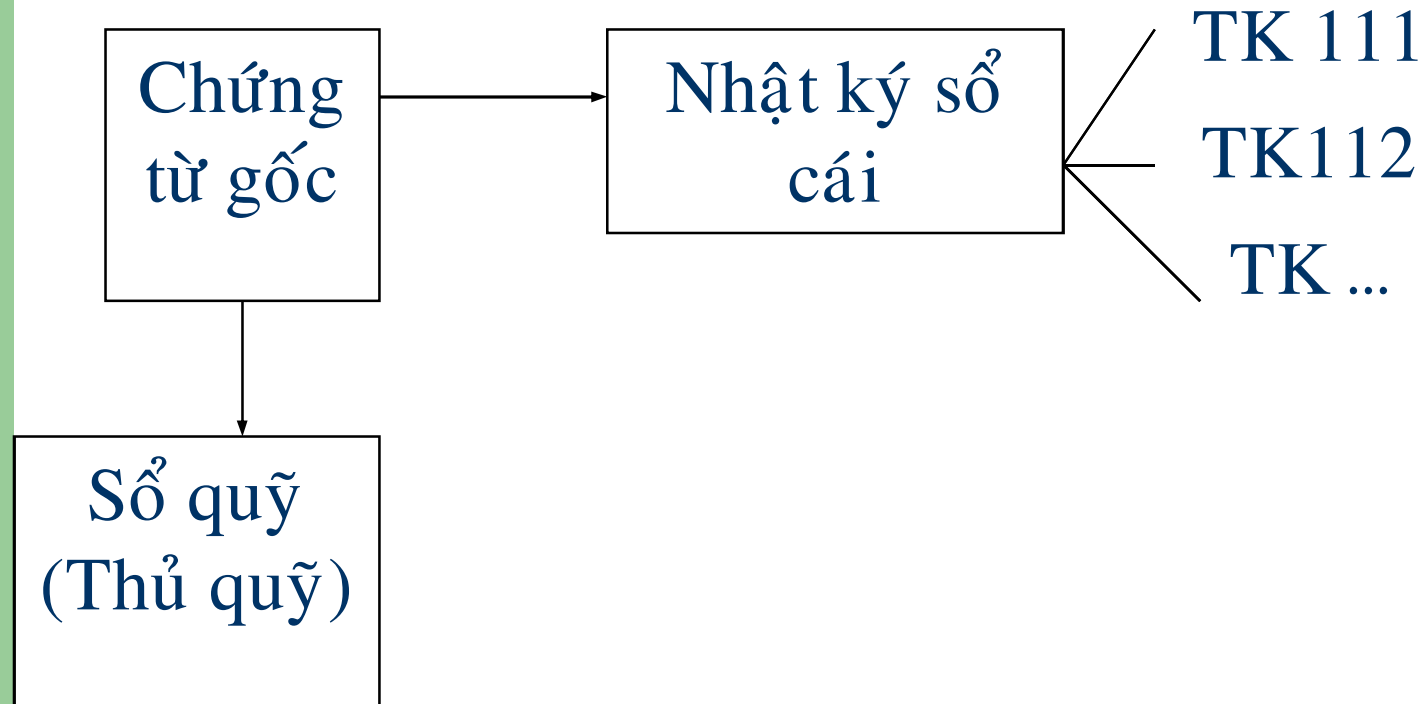
- Chứng từ gốc
- Chứng từ dùng để ghi sổ

3.2.2. Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán

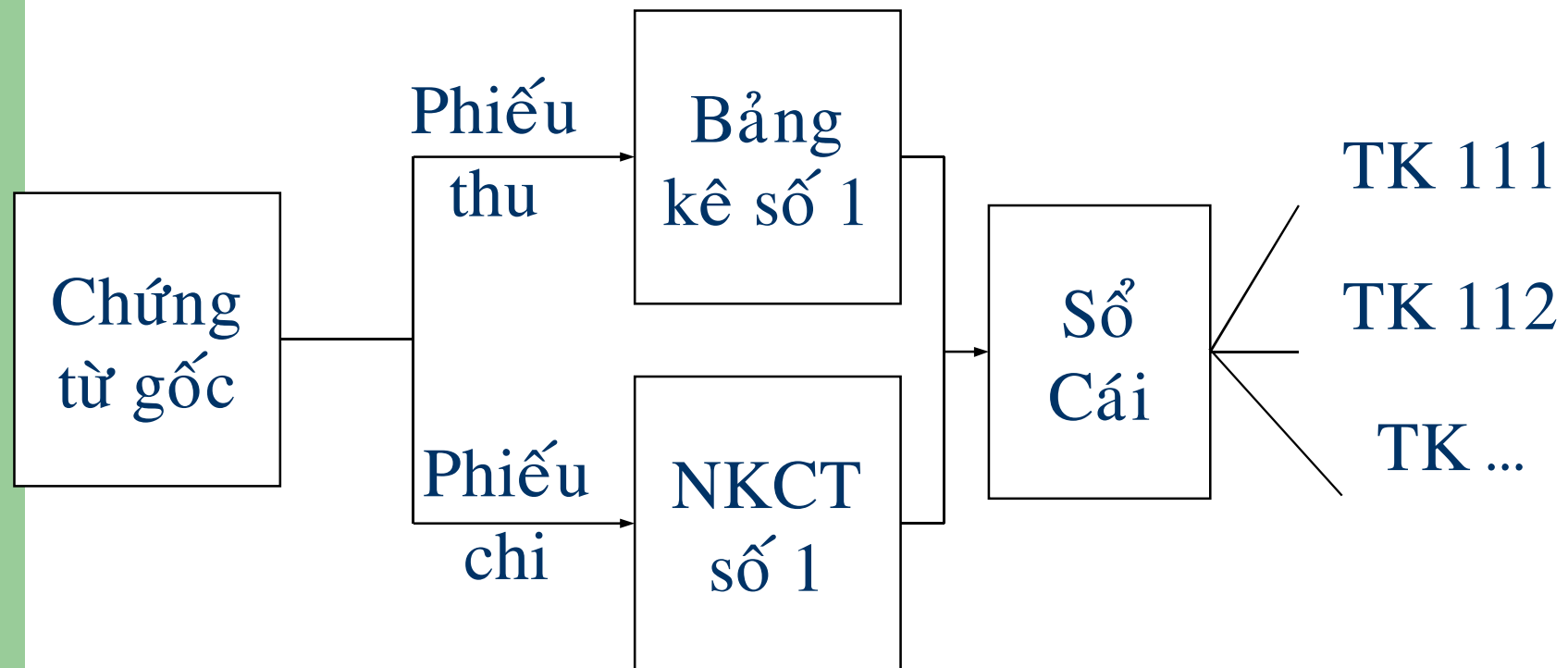
3.2.1.1. Đối với hình thức kế toán nhật ký chung



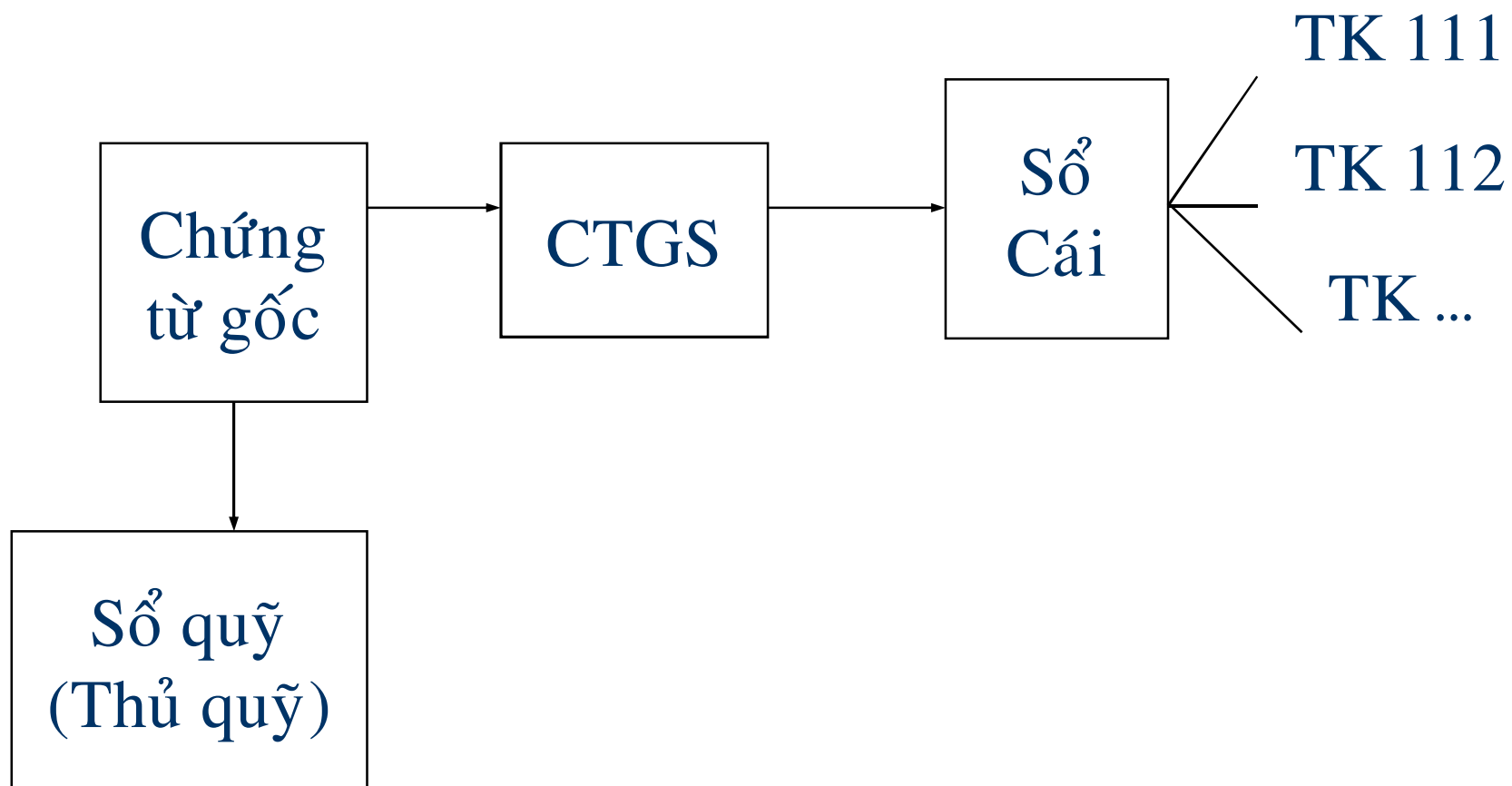
3.2.1.2. Đối với hình thức kế toán Nhật ký số cái



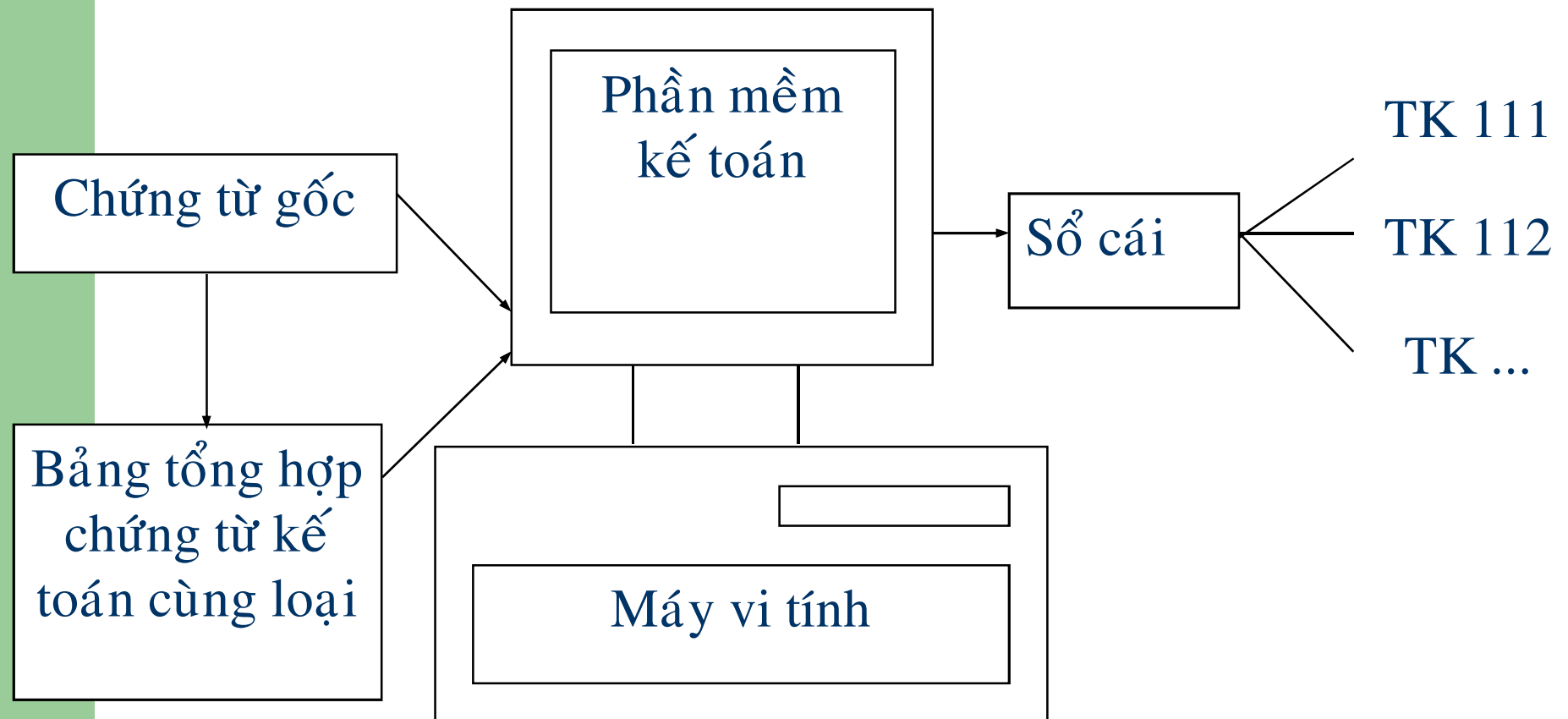
3.2.1.3. Đối với hình thức kế toán Nhật ký chứng từ



3.2.1.4. Đối với hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



3.2.1.5. Đối với hình thức kế toán trên máy vi tính



3.2.3. Tài khoản sử dụng

TK sử dụng tài khoản 111 “Tiền mặt”

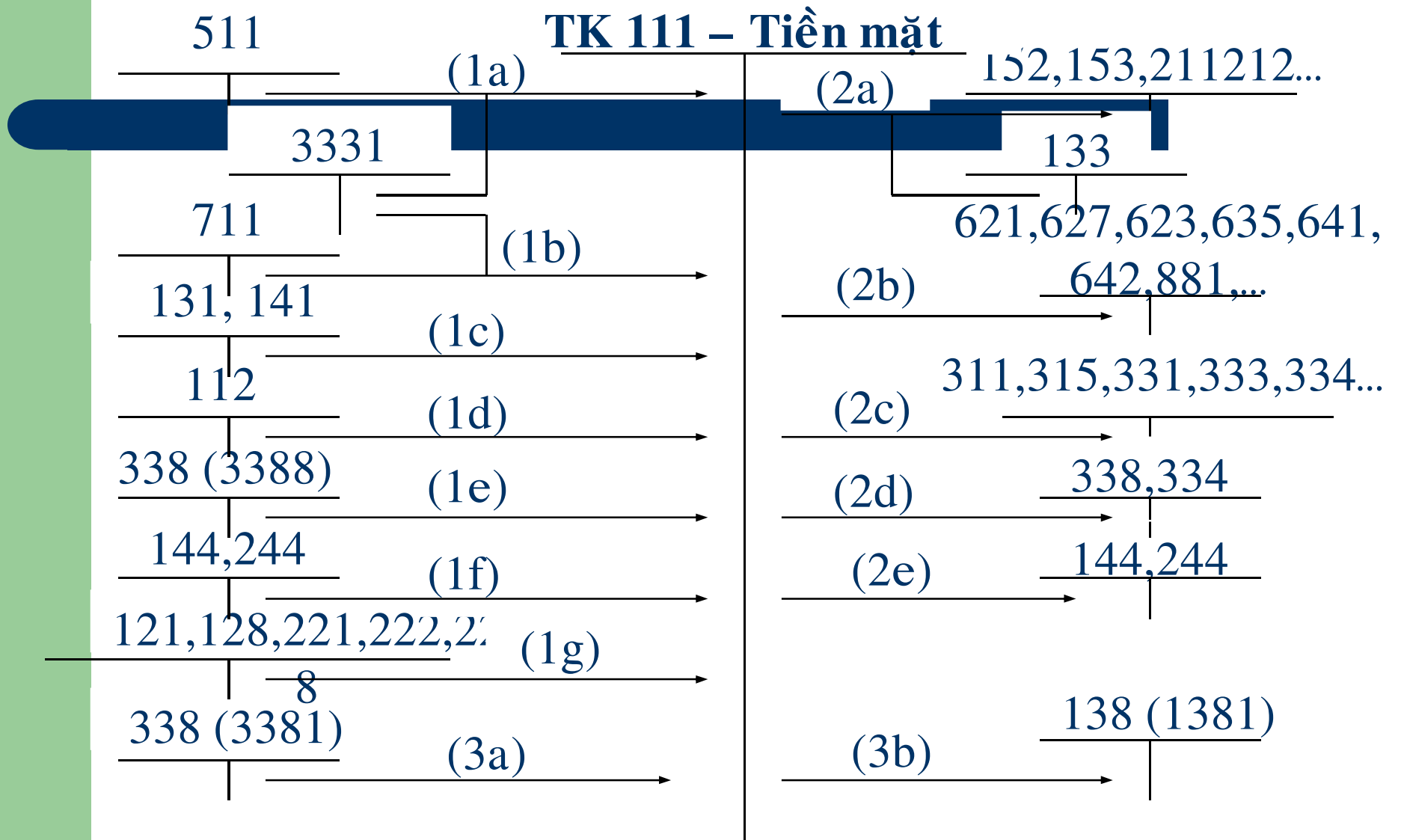
Tài khoản 111 có 3 tài khoản cấp 2:

-TK 1111: Tiền Việt Nam

- TK 1112: Ngoại tệ

- TK 1113: Vàng, bạc, đá quý, kim khí quý

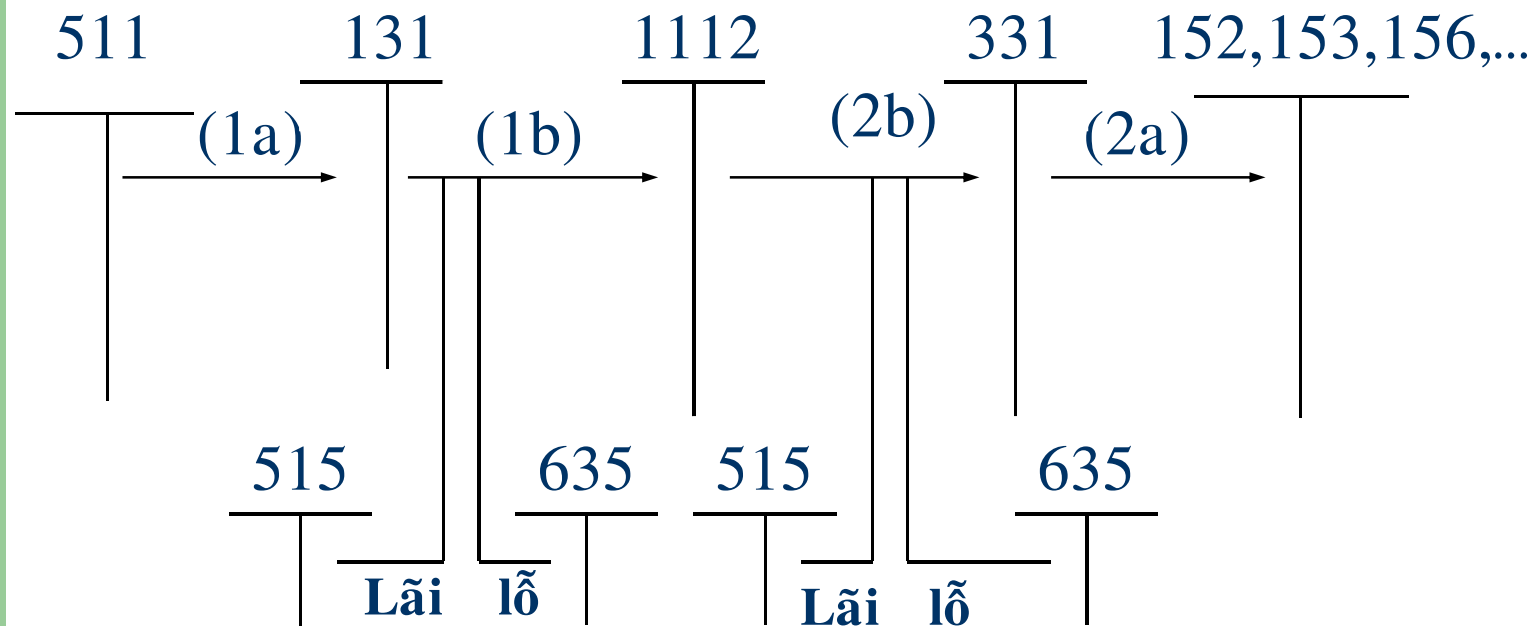
Sơ đồ 3.1: Hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh



3.2.4.2. Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ là ngoại tệ

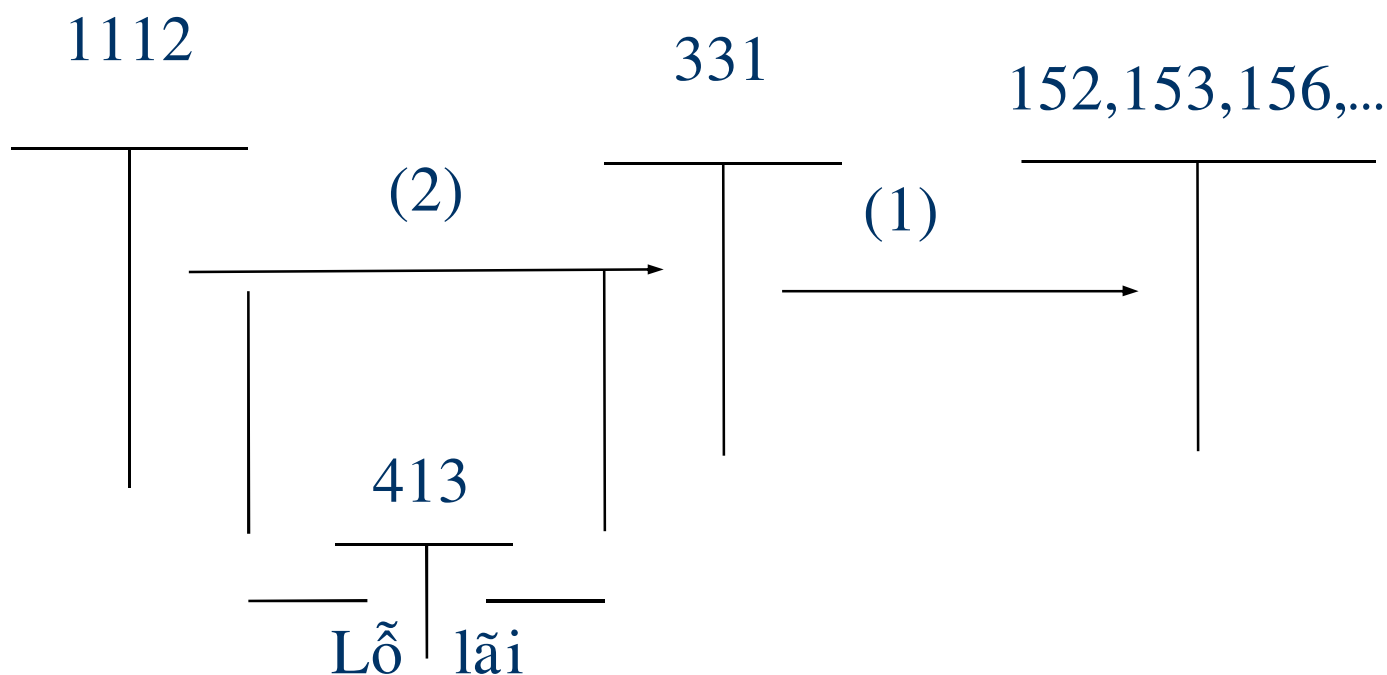
Sơ đồ 3.2: Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu của tiền mặt tại quỹ là ngoại tệ

(Sử dụng tỷ giá thực tế -Doanh nghiệp đang trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh)



Sơ đồ 3.3 Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu của tiền mặt tại quỹ là ngoại tệ

(Sử dụng tỷ giá thực tế -Doanh nghiệp đang trong quá trình xây dựng cơ bản chưa hoàn thành)



3.3. KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

3.3.1. Chứng từ kế toán

3.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng”

TK 112 có 3 tài khoản cấp 2:

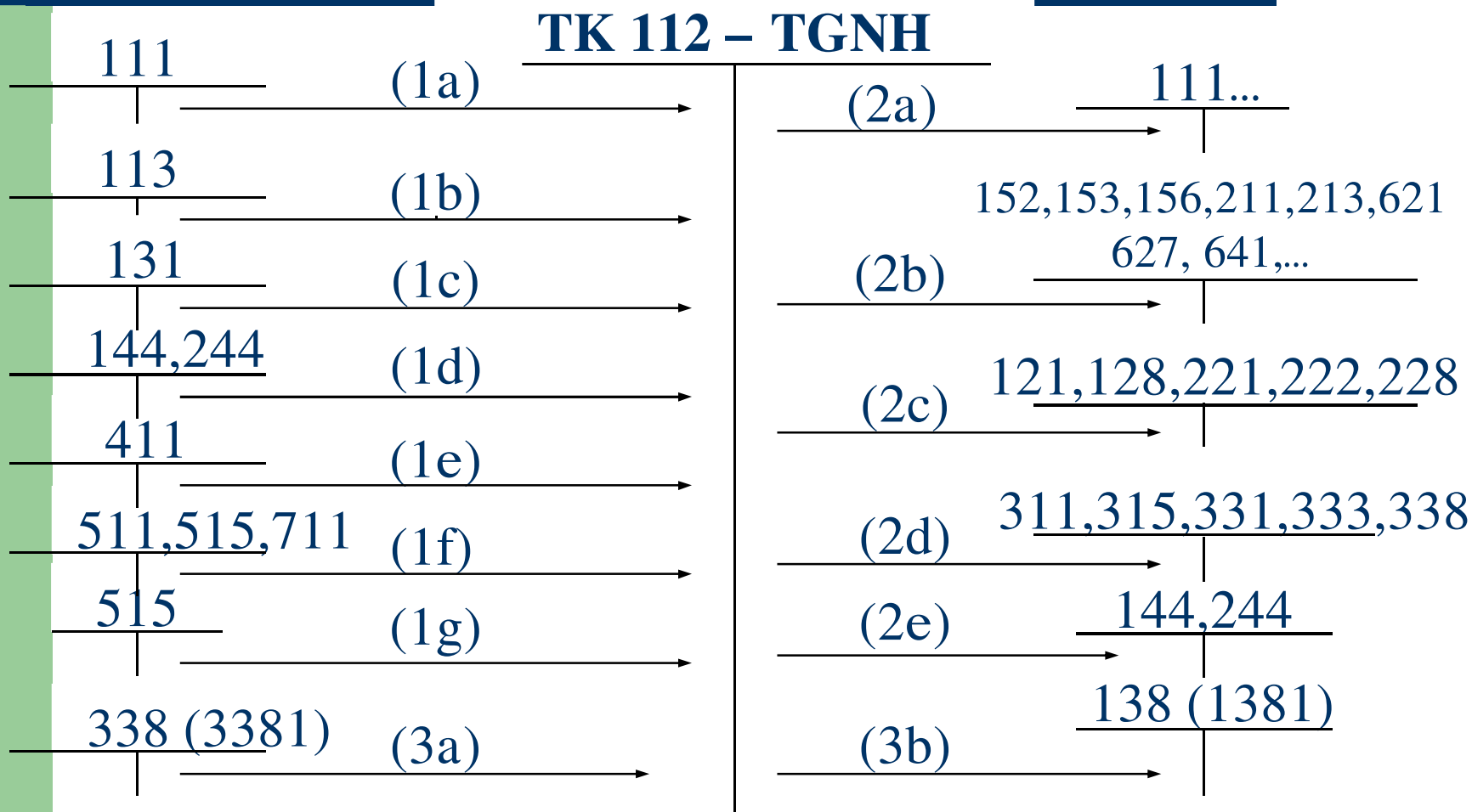
–TK 1121 - Tiền Việt Nam

–TK 1122 - Ngoại tệ

–TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

3.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

Sơ đồ 3.4 Tóm tắt một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu của kế toán tiền gửi ngân hàng



3.4. KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN

3.4.1. Chứng từ kế toán

3.4.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 113 “Tiền đang chuyển”

TK 113 có 2 tài khoản cấp 2:

–TK 1131 - Tiền Việt Nam

–TK 1132 - Ngoại tệ

Phương pháp hạch toán

